

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-6-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Công Việt T, sinh năm 1970.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: 125/14, đường H, khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông T đều xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Công Việt T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện HĐ, tỉnh HT (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/1997 ngày 03/3/1997. Việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, mấy năm gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vấn đề kinh tế. Vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn có thể nói chuyện, chia sẻ, thông cảm với nhau được. Thời gian qua, vợ chồng đã có thời gian suy nghĩ, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Ông T nhận thấy hôn nhân

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Công Thị Thu H, sinh ngày 16/11/1997 và cháu Công Thúy Q, sinh ngày 17/4/2004. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T khai vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 06/6/2023.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2023, bà Nguyễn Thị Kim T có ý kiến trình bày: Bà và ông Công Việt T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện HD, tỉnh HT (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, mấy năm gần đây do việc làm ăn không thuận lợi và nhiều vấn đề vợ chồng không có tiếng nói chung nên bà và ông T không còn nói chuyện, chia sẻ và cảm thông với nhau. Thời gian qua bà và ông T cũng đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông T. Bà cam đoan không đang mang thai, không đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là cháu Công Thị Thu H, sinh ngày 16/11/1997 và cháu Công Thúy Q, sinh ngày 17/4/2004. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà T. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xét. Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách đương sự tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Công Việt T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971, địa chỉ: khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là ông Công Việt T, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Công Việt T và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông bà T.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Công Việt T và bà Nguyễn Thị Kim T có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện HĐ, tỉnh HT (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/1997 ngày 03/3/1997 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông Công Việt T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T. Tại biên bản hòa giải tại Tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà T.

Tại bản tự khai đề ngày 18/5/2023, bà Nguyễn Thị Kim T thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với ông Công Việt T, tuy nhiên vì lý do sức khỏe nên bà xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T được ly hôn với bà T là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông Công Việt T và bà Nguyễn Thị Kim T có 02 con chung là Công Thị Thu H, sinh ngày 16/11/1997 và cháu Công Thúy Q, sinh ngày 17/4/2004. Các con chung đều đã thành niên và trưởng thành, có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Ông Công Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Công Việt T đối với bà Nguyễn Thị Kim T.

Xử cho ông Công Việt T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Công Việt T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008606 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Ông Công Việt T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND phường P, quận HĐ, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang

